

Bài văn mẫu Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Văn 11 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bài văn mẫu số 1: Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) một nhà nho yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc. Cuộc đời ông phải trải qua nhiều bi kịch đau khổ và bất hạnh. Có lẽ vì vậy mà hơn ai hết ông càng cảm nhận được nỗi đau mất nước khi thực dân Pháp sang xâm lược nước ta. Năm 1859 giặc Pháp tràn vào sông Bến Nghé chiếm thành Gia Định, ông phải vào quê vợ ở Thanh Ba, Cần Giuộc lánh tạm. Về phía thực dân Pháp sau khi chiếm được thành Gia Định chúng bắt đầu thực hiện quá trình mở rộng cuộc tấn công ra các vùng lân cận. Cần Giuộc chẳng mấy chốc đã bị giặc Pháp tràn đến. Những người nông dân áo vải, chân lấm, tay bùn đã đứng dậy đấu tranh. Họ gia nhập nghĩa binh, sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn. Trong số họ nhiều nghĩa sĩ đã hi sinh oanh liệt. Những tấm gương hi sinh đó đã gây nên niềm cảm kích lớn trong nhân dân. Đỗ Quang, tuần phủ Gia Định giao cho Nguyễn Đình Chiểu làm bài văn tế đọc tại buổi truy điệu hơn hai mươi nghĩa sĩ đã hi sinh trong trận đêm ngày 16-12-1861. Với lòng cảm phục và tình cảm xót thương vô hạn, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Bài văn tế không những thể hiện được tình cảm xót thương vô hạn của tác giả và của nhân dân đối với các nghĩa sĩ Cần Giuộc mà còn khắc họa lên vẻ đẹp chân thực, bi tráng mà rất đỗi hào hùng của những người nông dân yêu nước đánh Tây.

Hỡi ôi!

Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ..

Khi Tổ quốc lâm nguy, khắp đất nước đều rền vang tiếng súng. Chính sự từ gian nguy, đau thương đó, tình yêu đất nước của những người nông dân bình thường mới được thể hiện, vẻ đẹp thực sự của tâm hồn trong họ mới được bày tỏ cùng trời đất.

Tấm lòng, tình yêu giang sơn, tổ quốc của những người nông dân bình dị càng được thể hiện một cách rõ rệt và sâu sắc hơn khi tác giả đã liên tục dùng biện pháp so sánh đối lập trong các câu văn tiếp sau.

Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn; toan lo nghèo khó,

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung;

Chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng

Trước đây họ vẫn sống, vẫn tồn tại nhưng chỉ là "cui cút làm ăn". Họ vẫn sống, vẫn tồn tại nhưng chỉ trong thâm lặng. Trong cuộc sống, họ có nỗi lo toan "miếng cơm manh áo" giản dị đời thường; họ chỉ quen làm lụng việc nhà nông: cày, bừa, cấy, hái, làm bạn với con trâu, với ruộng đồng. Họ chưa biết đến "cung ngựa", "trường nhung", chưa quen với "tập mác, tập cò". Những người nghĩa sĩ ở đây chỉ là những nông dân áo vải, chưa quen chiến trận, chưa được luyện rèn, chỉ vì lòng yêu chính ghét tà mà đứng lên đánh giặc.

Khi mà "tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng", họ ngóng trông mệnh lệnh của triều đình: "trông tin quan như trời hạn trông mưa".

Thì ra cái bi kịch xót xa là ở chỗ này: triều đình nhu nhược, không hiểu được lòng dân yêu nước. Lòng căm thù giặc của những người nông dân thì không thể kiềm chế:

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

... Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ông khói chạy đen xì, muốn ra cắn cỏ.

Hình tượng người nông dân, những người nghĩa sĩ yêu nước hiện lên thật quả cảm hào hùng. Lòng yêu đất nước tha thiết xuất phát từ chính trái tim của họ đã khiến cho họ trở nên đẹp đẽ, lấp lánh.

Vẻ đẹp của những người nghĩa sĩ nông dân yêu nước được toát ra chính lòng căm thù giặc sục sôi. Chính lòng căm thù giặc đã biến thành hành động vùng lên quật khởi rất hào hùng.

Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình:

Chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Trong những tác phẩm phản đối chiến tranh phong kiến phi nghĩa trước đây, người nông dân khi phải đi làm lính biên thú phương xa để bảo vệ cương thổ của nhà vua, họ ra đi với tâm trạng và thái độ "bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa" thì ở đây, người nông dân của Nguyễn Đình Chiểu lại hoàn toàn khác. Họ tự giác, tự nguyện đứng lên chiến đấu để bảo vệ giang sơn, tổ quốc, ấy là nét đẹp bản chất nhất trong hành động của người nông dân - nghĩa sĩ Cần Giuộc. Đến đây không chỉ vẻ đẹp trong tâm hồn mà ngay cả vẻ đẹp trong hành động của những người nghĩa sĩ nông dân yêu nước cũng đã được Nguyễn Đình Chiểu khắc họa lên một cách rõ rệt. Từ cái động lực tinh thần tự nguyện gánh vác trách nhiệm lịch sử mà đã tạo ra cho họ sức mạnh vô cùng lớn. Họ đã hành động, đứng lên chống giặc ngoại xâm. Không chờ bày bố mà chỉ "ngoài cật có một manh áo vải nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi, trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ". Hình ảnh người nông dân được hiện lên trong tác phẩm khiến cho chúng ta vừa cảm thấy tự hào và xen lẫn niềm xót xa. Những người nghĩa sĩ dường như đóng vai trò là hiện thân của cả một sức mạnh dân tộc. Đối mặt với kẻ thù lớn mạnh với "đạn nhỏ, đạn to", "tàu thiếc, tàu đồng" với đội quân xâm lược nhà nghề, vậy mà vũ khí để họ dùng chống lại chỉ là "một manh áo vải", "một ngọn tầm vông", chỉ có "dao phay" và chỉ là những "hỏa mai đánh bàng rom con cúi". Thử hỏi rằng đem những thứ đó ra đối chọi với súng đạn của thực dân khác nào bước chân vào chỗ chết. Cái sự thật phũ phàng đó như phô bày ra trước mắt ta thật xót đau biết mấy. Đó là tấn bi kịch của những người nghĩa sĩ cần Giuộc, cũng là tấn bi kịch của cuộc

sống nước ta vào thời kì nghiệt ngã ấy. Tấn bi kịch này đã đưa đến cái họa mất nước kéo dài cả thế kỉ.

Nhưng cũng chính từ cái tấn bi kịch này mà đã làm sáng ngời lên vẻ đẹp hình tượng của những người nghĩa sĩ nông dân yêu nước. Bằng sự ngoan cường, lòng yêu nước nồng nàn, họ đã làm nên được những điều phi thường, chính họ đã cất lên được bản anh hùng ca chiến tranh của dân tộc. Bất chấp sự hiểm nguy, bất chấp sự chênh lệch, sự đối lập của hoàn cảnh chiến đấu, họ vẫn quyết chiến và quyết thắng, lấy tinh thần xả thân vì nghĩa để bù đắp lại sự thiếu hụt, chênh lệch của mình với kẻ thù. Hoàn cảnh chiến đấu chênh lệch là vậy nhưng vì những người nghĩa sĩ chiến đấu bằng chính tinh thần sự quyết chiến không sợ hi sinh nên hiệu quả chiến đấu lại vô cùng lớn.

Chỉ với những vũ khí thô sơ như:

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia,

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh...

Chỉ với những vũ khí thô sơ, nhưng lòng yêu nước, tinh thần dân tộc đã tạo nên được những điều kì diệu. Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân hiện lên với một vẻ đẹp rực rỡ hào quang của chủ nghĩa yêu nước, dường như đã làm lu mờ đi cái thời kì đen tối của lịch sử mất nước hồi nửa cuối thế kỉ XIX.

Bài văn tế như bức tượng đài bằng ngôn từ, tạc khắc nên hình tượng những người nghĩa sĩ nông dân hào hùng mà bi tráng, tượng trưng cho tinh thần yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm của cha ông ta. Bức tượng đài ấy là dấu mốc thể hiện cả một bi kịch lớn của dân tộc - bi kịch mất nước, và báo hiệu một thời kì lịch sử đen tối của dân tộc ta - thời kì một trăm năm Pháp thuộc. Nhưng thật hào hùng, trong cái bi kịch lớn ấy, tinh thần bất khuất của nhân dân Nam Bộ nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung vẫn ngời sáng bởi cái lí tưởng cao đẹp của nghĩa sĩ Cần Giuộc - họ sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn, vì dân tộc.

Bài văn mẫu số 2: Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ mù yêu nước có tấm lòng thương dân thương đời sâu sắc. Ông để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị bên cạnh truyện thơ “Lục Vân Tiên” nổi tiếng thì “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” là đỉnh cao trong sáng tác biểu hiện cao độ nhất tư tưởng yêu nước thương dân của tác giả. Với lòng khâm phục và cảm thương chân thành, nhà văn đã xây dựng tượng đài bất hủ về người nông dân những con người chân chất mộc mạc lại mang trong mình nét đẹp của người hùng dân tộc tự nguyện đánh giặc và xả thân vì sự sống còn của đất nước.

Trước tiên họ là những người nông dân thuần phác nhà quê nông thôn. Những con người ấy chỉ “Cui cút làm ăn toan lo nghèo khó”, cuộc sống của họ chỉ bó hẹp ở trong làng bộ với công việc của người nhà nông với ruộng trâu, với “việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy tay vốn quen làm”. Họ đầu tắt mặt tối lo làm lụng mưu sinh. Họ chỉ là những người dân ấp dân lân

“Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung”, họ cũng chẳng hay việc “tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ”, không hề biết gì về việc quân, việc lính, việc binh đao chinh chiến. Người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc thật thuần phác với chất thôn quê, mộc mạc sống trong cái nghèo cái đói của người nhà nông.

Tuy nhiên họ lại mang trong mình vẻ đẹp của con người có tinh thần tự nguyện đánh giặc. Bởi khi giặc loạn nhiễu, triều đình chống cự yếu ớt, “tác đất ngọn rau, miếng cơm manh áo” của họ bị cướp, lãnh thổ đất nước bị giặc xâm lăng. Vốn là con người của dân tộc có truyền thống yêu quê hương đất nước, đánh giặc ngoại xâm bao đời nay họ tự nguyện đánh giặc mà không cần đợi “Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ”. Tinh thần hăng hái, khí thế hào hùng tiếp nối hào khí Đông A của thời đại nhà Trần. Họ xung phong đánh giặc dù cho có khó khăn, gian lao và nguy hiểm là đoạn kình, bộ hổ tức chém cá kình, bắt hổ lớn. Giặc lúc này vô cùng hung hãn, số lượng lớn, vũ khí hiện đại hơn ta gấp trăm lần nhưng những người nông dân áo vải ấy không hề run sợ.

Người nông dân nghĩa sĩ anh dũng chiến đấu, quyết tâm xả thân vì nước. Dù cho giặc mạnh và hiện đại, dù cho biết trước sẽ hi sinh, dù cho ra trận chỉ với tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc nhưng họ không hề nao núng. Tinh thần ấy đẹp biết bao, đáng phục, đáng nể biết bao khi chỉ là những người dân nghèo khó lam lũ lại dám xông pha trận mạc như những người lính thực thụ nhưng ra trận chỉ với “manh áo vải” chẳng có bao tâu, bầu ngòi, dao tu hay nón gõ họ chiến đấu với vũ khí thô sơ, là công cụ lao động của nhà nông “trong tay cầm một ngọn tầm vông” rồi rơm con cúi và lưỡi dao phay... đem đối chọi với vũ khí hiện đại của quân thù.

Họ chiến đấu bằng trái tim đến hơi thở cuối cùng, họ trở thành bức tượng đài lí tưởng sừng sững trong lòng người dân Việt Nam với một khí thế đánh giặc mãnh liệt làm chủ trận chiến cam go. Bức tranh chân thực và sinh động đặc tả hình ảnh anh dũng của người nông dân trong phút công đồn được Đồ Chiểu khắc họa qua đoạn văn: “Chi nhọc quan quân giống trông kì trông giục, đập rào lướt tới coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào liều mình như chẳng có. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước lũ ó sau, trời kệ tâu sắt tâu đồng súng nổ”. Hàng loạt các động từ mạnh, giới từ, nhịp điệu dồn dập, mạnh mẽ, câu văn như bị ngắt ra thành vụn nhỏ khắc họa hình tượng người nghĩa sĩ anh dũng liều mình xông vào xả thân vì nền độc lập dân tộc, tinh thần ấy làm cho lũ giặc phải kinh hồn bạt vía hoảng sợ. Có thể nói hình tượng người nông dân nghĩa sĩ sừng sững nổi bật trên nền trời đầy khói lửa làm nên bức tượng đài kì vĩ để lại dấu ấn khó quên trong lòng người dân Việt.

Hình tượng người nông dân bấy lâu đã xuất hiện trong văn chương như: “Dụ chư tì tướng hịch văn”, “Bình Ngô đại cáo”... nhưng phải đến “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” lần đầu tiên người nông dân Việt Nam đi vào trong tác phẩm văn học với đầy đủ từ dáng vóc, tính cách, suy nghĩ, cảm xúc và hành động chân thực đến thế. Bài tế ra đời trong hoàn cảnh cam go trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Một mặt vừa đề tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với những người nghĩa sĩ đã nằm xuống với đất mẹ và ca ngợi lòng dũng cảm, bất khuất của họ, một mặt tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phê phán thái độ chiến đấu của vua quan nhà Nguyễn, một mặt đề khích lệ, động viên tinh thần tinh thần đánh giặc của nhân dân.

Như vậy, bằng lối dùng các từ ngữ sinh động, giọng điệu linh hoạt, gần gũi với đời sống nông dân, đậm chất Nam Bộ. Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng nên hình tượng người nông dân nghĩa

chân chất, mộc mạc, lam lũ nghèo khó mà cao đẹp vĩ đại với tấm lòng yêu nước sâu sắc. Đây là hình tượng đẹp nhất về người nông dân trong lịch sử văn học dân tộc.

Bài văn mẫu số 3: Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu là bức tượng đài bi tráng về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ. Lần đầu tiên trong lịch sử văn học, hình tượng người nông dân mới được dựng lên hoàn chỉnh và đẹp đẽ đến vậy. Với tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã hoàn chỉnh bức tranh về vẻ đẹp anh hùng, dũng cảm của người nông dân.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Đến tháng 2/1859 thực dân Pháp chiếm được Gia Định và tấn công các vùng phụ cận (Gò Công, Cần Giuộc). Ngày 14/12/1861, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Cần Giuộc giành được thắng lợi ban đầu: chém đầu được 1 tên quan hai của Pháp và khá nhiều lính thuộc địa, chiếm đóng được đồn giặc. Ngày 16/12/1862, giặc phản công, 20 nghĩa quân bị giết chết. Bởi vậy, tuần phủ Gia Định lúc bấy giờ là Đỗ Quang đã yêu cầu Nguyễn Đình Chiểu viết 1 bài văn tế để đọc trong lễ truy điệu của các nghĩa sĩ Cần Giuộc.

Hình ảnh người nông dân, không phải là chưa bao giờ xuất hiện trong văn học Trung đại, tác phẩm Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi đã từng nhắc đến họ: “Yết can vi kì, manh lệ chi đồ tứ tập” (Dụng gậy làm cờ, manh lệ bốn phương tụ hội). Đây là lần đầu người nông dân được nhắc đến trong văn chương, song vì tính chất của một bản tuyên ngôn nên Nguyễn Trãi không có điều kiện để khắc họa rõ nét chân dung người nông dân mà mới chỉ dừng lại ở việc khẳng định vị trí, vai trò của họ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Còn đến Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, bức tranh chân dung và tinh thần người nông dân được dựng lên hoàn chỉnh đến vậy. Họ được khắc họa từ cuộc sống sinh hoạt đời thường cho đến đời sống tinh thần, từ vẻ ngoài chất phác, hồn hậu cho đến lòng dũng, cảm kiên cường sẵn sàng đứng lên bảo vệ đất nước. Đây chính là phát hiện mới mẻ của Nguyễn Đình Chiểu đối với người nông dân – lực lượng nòng cốt trong mọi cuộc kháng chiến, song lại ít khi được nhận thức đúng đắn về vai trò lịch sử.

Mở đầu, phần Lung khởi tác giả đã khái quát được bối cảnh thời đại và khẳng định vị trí, ý nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân: “Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ/ Mười năm công vỡ ruộng, chưa ất còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ”. Đây là một thời đại bi tráng, khổ nhục như vĩ đại, thời đại đó đã sản sinh ra những người nông dân nghĩa sĩ với lòng yêu nước nồng nàn. Câu văn ngắn, chỉ có tám chữ: súng giặc/ lòng dân, đất rền/ trời tỏ gọi lên không khí thời đại sục sôi, căng thẳng, quyết liệt của nhân dân ta trong quá trình chiến đấu với kẻ thù. Hai câu văn tuy ngắn nhưng lại có ý nghĩa quan trọng, tạo thành bộ đỡ để thấy được vẻ đẹp của tượng đài nghĩa sĩ nông dân phía sau.

Những người nghĩa sĩ nông dân khi chưa có quân giặc xâm lược họ sống và làm việc với cuộc đời đầy lam lũ, cực nhọc: “Cui cút làm ăn, toan lo nghèo đói”. Cuộc đời họ quanh quẩn sau lũy tre làng, cùng với công việc đồng áng vất vả: “chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ”, “việc cuốc, việc cấy, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm” họ hoàn toàn xa lạ với việc đao binh: “tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng ngó”. Cuộc đời họ gắn bó với làng ruộng, gắn bó với

quê hương, bởi vậy, khi nghe tin giặc tới xâm lược, họ đặt trọn niềm tin vào triều đình: “Trông tin quan như trời hạn trông mưa” và họ mang trong mình lòng căm thù giặc sâu sắc: “Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ”. Không chỉ vậy, họ còn là người có ý thức trách nhiệm với quê hương, đất nước khi tổ quốc lâm nguy, dù không được học binh pháp nhưng họ sẵn sàng hi sinh bản thân vì sự bình yên của quê hương, đất nước.

Người nông dân vốn chỉ tay cuốc, tay cày “trong trận nghĩa đánh Tây vụt đứng lên thành những anh hùng hiên ngang, lẫm liệt”. Đâu còn hình bóng của những con người chỉ biết trong làng bộ, tầm nhìn hạn hẹp, chỉ trong phút chốc họ đã lớn dậy trưởng thành với tinh thần chiến đấu sục sôi. Vũ khí được trang bị thô sơ, hầu hết là những vật dụng sinh hoạt hàng ngày: ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay,... Nhưng tinh thần của họ lại bùng bùng khí thế và sự nhiệt huyết xông tới chiến đấu với kẻ thù: “đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không”, “xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có”,... Hành động hết sức mạnh mẽ, quyết liệt: “kẻ đâm ngang, người chém ngược làm cho mã tà, ma ní hồn kính; bọ hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt, tàu đồng súng nổ”. Đoạn thơ đã miêu tả được không khí hào hùng của trận đấu, tác giả sử dụng liên tiếp các động từ: đạp, lướt, xô, xông, đâm,... giúp cực tả không khí hào hùng, hành động dứt khoát, dũng mãnh của những con người vì nghĩa lớn mà quên thân mình.

Khi khắc họa hình tượng người nông dân nghĩa sĩ, người viết hoàn toàn sử dụng bút pháp hiện thực, chân dung của họ được tái hiện chân thực nhất từ dáng vẻ về ngoài, cho đến cuộc sống lao động vất vả hàng ngày,... Nguyễn Đình Chiểu đã vận dụng nhiều biện pháp nghệ thuật như so sánh (ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ,...) Đặc biệt là thủ pháp đối lập được sử dụng nhiều: lướt tới/xông vào, đâm ngang/ chém ngược, manh áo vải, ngọn tầm vông/ đạn to, đạn nhỏ,... Các thủ pháp nghệ thuật trên đã góp phần khắc họa vẻ đẹp anh dũng, bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là bản anh hùng ca ngợi ca những người nông dân nghĩa sĩ anh dũng, bất khuất, kiên cường. Hình ảnh, sự hi sinh của họ là minh chứng cho lòng yêu nước nồng nàn, cho triết lí sống ngàn đời của ông cha ta: “Chết vinh còn hơn sống nhục”.

Bài văn mẫu số 4: Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" là đỉnh cao sáng tác của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và cũng là biểu tượng rõ ràng nhất, sâu sắc nhất tư tưởng yêu nước thương dân của ông. Với lòng căm thù, khâm phục chân thành, nhà thơ đã xây dựng nên một "tượng đài nghệ thuật" bất hủ về người anh hùng nghĩa sĩ nông dân trong lịch sử chiến đấu chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

Có thể nói bài văn tế là khúc bi tráng về người nghĩa sĩ nông dân xả thân vì sự sống còn của đất nước. Người nông dân nghèo khổ chân chất "côi cút làm ăn toan lo nghèo khổ đã tự nguyện đứng lên gánh vác việc nước lớn lao và cực kì gian khổ: đánh giặc. Trước tội ác tày trời của giặc Pháp, trước thái độ nhu nhược đến hèn nhát của triều đình, họ không thò bụng tai bịt mắt làm ngơ. Trách nhiệm công dân thúc đẩy họ cầm vũ khí chiến đấu:

"Nào đợi ai đòi, ai bắt, phe tì này xin ra sức đoạn kình;

Chẳng thêm tròn ngược tròn xuôi, chuyện này dốc ra tay bộ hổ".

Họ không phải là lính chính quy của triều đình mà chỉ là "dân áp dân lân, mền nghĩa tầm quản chiêu mộ". Đó là cái nghĩa vì nước quên mình, dám đánh giặc, dám hi sinh. Điều này hoàn toàn đối lập với lũ quan quân triều đình tham sống sợ chết. Vì lẽ đó mà hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân càng thêm thương, thêm quý.

Không cần lệnh quan trên, không cần chờ trang bị, cũng chẳng đợi tập rèn, họ lao vào cuộc chiến đấu sống chết với kẻ thù bằng một tinh thần dũng cảm hiếm có: "Kẻ dám ngang, người chém ngược, làm cho mũ tà, ma nỉ hồn kinh. Bọn hè trước, lù ó sau, trôi kệ tàu thiếc, tâu đồng súng nổ". Tinh thần ấy khiến cho các vũ khí thô sơ trong tay họ trở lên hữu hiệu: "Hỏa mai đánh bằng rom con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia – Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém roi đầu quan hai nọ".

Cái dũng cảm trong chiến đấu đã khắc phục cái yếu kém trong trang bị. Giữa bức tranh hoành tráng của cuộc chiến đấu, nổi bật hình bóng lồng lộng, hiên ngang của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc.

Trong văn thơ ngày xưa của ta có không nhiều những trang miêu tả một trận chiến đấu mà thường là lược tả một vài nét. Ở bài văn tế này, nhà thơ đã tả bằng những chi tiết rất chân thực, sống động cho nên không khí hào hùng gần gũi, quen thuộc với cuộc sống, với mọi người. Sức mạnh của nghệ thuật đã biến những hình ảnh tâm thường thành những hình ảnh tượng trưng cho người nghĩa quân nông dân quanh năm chân lấm tay bùn, vậy mà khi lòng nghĩa cháy lên, họ đã biến thành người chiến sĩ cứu nước anh hùng. Hình bóng họ làm chủ chiến trường, nổi lên trên nền trời, che lấp cả không gian, lồng lộng như một tượng đài kì vĩ.

Cảm xúc chủ đạo của vài văn là cảm xúc bi tráng, lời văn rắn rỏi, mãnh liệt, toàn là những hành động được thể hiện bằng những động từ mạnh mẽ, âm điệu sôi sục, dồn dập. Nghệ thuật đối đã phát huy được hiệu quả cao nhất của nó... Tất cả hợp thành một âm điệu chiến trận hào hùng, phấn khích. Thật là một thiên anh hùng ca tuyệt diệu. Ngôi bút tác giả hoàn toàn xứng đáng với hành động cao cả của người nghĩa sĩ nông dân; với tư tưởng cực kì lớn lao mà tác giả đã phát hiện ra trong hành động giết giặc cứu nước của họ.

Gần ba chục nghĩa sĩ nông dân bỏ mình trong cuộc chiến đấu ác liệt và không cân sức. Cái chết bi tráng của họ Knien con người, cây cỏ trên một miền quê Dao la thay đều thương tiếc: "Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng - Nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hơi hàng luy nhỏ". Người chết vì nước non, vì đồng bào, làm sao không xúc động đến đồng bào, non nước? "Tượng đài nghệ thuật" về người nghĩa sĩ nông dân mang tính chất bi tráng. Nó được dựng lên trong khói lửa chiến trận, trong tiếng thét xung phong, và cả trong nước mắt, trong tiếng khóc thống thiết của nhà thơ và của nhân dân. Đây là thành công nghệ thuật xuất sắc của nhà thơ mù yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Bài văn tế như một cái bia, cái mốc, một lâu đài vinh dự cho người nông dân, cho nhân dân lao động Nam Bộ muôn thuở sáng ngời.

Bài văn mẫu số 5: Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà Nho yêu nước cuối thế kỉ XIX. Cuộc đời của ông đầy những bất hạnh. Nhưng bằng nghị lực phi thường, ông trở thành tám gương sáng về nhiều mặt... "Với Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" Nguyễn Đình Chiểu đã dựng lên bức tượng đài bi tráng về người nông dân nghĩa sĩ đánh giặc Pháp cuối thế kỉ XIX". Lời đánh giá trên rất xứng đáng với thành công của tác phẩm. Hơn một thế kỉ qua, đọc lại bản văn tế ấy, ai không dạ dào xúc động, bởi "nước mắt anh hùng" có bao giờ ráo khô?

Mở đầu tác phẩm, tác giả đã cất lên tiếng than:

Hỡi ôi! Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ!

Đây chính là hoàn cảnh, là cái nền mà trên đó, Nguyễn Đình Chiểu đã dựng nên bức tượng đài bất hủ. Đất nước bị xâm lăng. Súng giặc đã rền khắp núi sông. Kẻ thù hung hãn đã tới. Xã tắc chao đảo trước "tàu sắt, tàu đồng, súng nổ", phải chăng, đây là lúc:

Bến Nghé của tiền tan bọt nước

Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây

Cũng chính là lúc:

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ bầy chim dáo dạt bay

(Chạy Tây - Nguyễn Đình Chiểu)

Từ hoàn cảnh khốc liệt, tan tác, đau thương này, tấm lòng của người dân đã rực sáng giữa trời xanh!

Họ là ai?

Họ không phải là những sĩ phu, những chí sĩ, cũng không phải những đại gia từng được ơn vua lộc nước hậu hĩnh. Họ chỉ là những người:

Côi cút làm ăn, lo toan nghèo

... Chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó

Họ hoàn toàn là nông dân, nông dân 100% những con người quanh năm chưa từng bước ra khỏi lũy tre làng! Hơn thế, họ còn là những nông dân nghèo, nghèo lắm. Hai chữ "côi cút" của cụ Đồ mới xót xa làm sao! Có nghĩa là ngày thường, nhưng tháng năm dài đặc kia, họ chẳng được "chăn dắt" như mao nhận của bọn vua quan. Một đời, nhiều đời thui thủi bán mặt cho đất, bán lưng cho trời! Thế nhưng, chính những con người bị bỏ rơi ấy lại là những người đầu tiên đứng lên, cho dù chẳng phải quân cơ, quân vệ. Họ chỉ vì nghĩa lớn mà tập hợp dưới cờ.

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuôi hươu

Hai vàng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Với hai câu văn trên, cụ Nguyễn Đình Chiểu đã cho ta thấy họ quả là những nghĩa sĩ, những con người có trách nhiệm lớn với non sông, những con người mang trong mình dòng máu bất khuất. Cho nên, chính họ đã quyết "Phen này xin ra sức đoạn kình... Chuyền này dốc ra tay bộ hổ".

Đó chính là tư tưởng của những Triệu Thị Trinh, Bó cái Đại vương Phùng Hưng từng chém cá kình ở biển Đông, bắt hổ dữ ở rừng sâu trong lịch sử dân tộc.

Nhưng Cụ Đồ Bến Tre vẫn không quên chính họ là những người chân đất có tấm lòng căm thù giặc tới tận xương tủy:

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan

Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ!

Chính sự căm thù này khiến họ vượt qua khó khăn thiếu thốn, không đợi trang bị vũ khí, ăn mặc, không đợi luyện tập quân sự, không sợ kẻ địch mạnh, có vũ khí tối tân, có linh đánh thuê hung hãn, có bọn Việt gian thâm hiểm... nhất quyết ngay một lúc vào trận với những vũ khí tự tạo thô sơ: " Hòa mai đánh bằng rơm con cúi/ Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay", nghĩa là có gì đánh nấy, miễn là giết được giặc! Nếu không có tấm lòng vì nghĩa lớn, làm sao có được cái gan ấy?

Và, khi vào trận, họ quả là phi thường:

Chi nhọc quan quân giống trống kị trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt, tàu đồng súng nổ.

Quả là một trận chiến dũng mãnh, quyết liệt đến liều mạng của lòng căm thù! Các động từ mạnh như "đập - lướt - xô - xông - đâm ngang - chém ngược..." khiến cho người đọc hàng trăm năm sau còn như thấy trước mắt khí thế vũ bão ào ào của nghĩa quân. Trong ánh lửa bập bùng, loang loáng những bắp tay trần, loang loáng ánh thép dao phay, rầm rập những bước chân, ầm ầm tiếng thét giết tươi kẻ thù...

Trong văn học Việt Nam đến thời điểm ấy, hiếm có một bức tranh công đồn nào hiện thực sinh động như thế! Không một chút ước lệ, ngòi bút kí sự, đặc tả của nhà Nho mới quý giá biết bao! Vì sao một người "quanh mình chỉ có bóng đêm" mà lại nhìn sáng tỏ đến như thế? Tài năng hay tấm lòng? Có lẽ là tất cả!

Chính tinh thần quyết chiến ấy của người nghĩa sĩ đã làm nên những chiến công rất đáng ca ngợi. Họ đã tiêu diệt được tên chỉ huy ác ôn, đã đốt cháy ổ gián điệp, tức là kẻ thù nội, kẻ thù chìm, kẻ thù bằng xương bằng thịt, kẻ thù tư tưởng (nhà dạy đạo)... Càng có ý nghĩa lớn khi những chiến công ấy được lập lên từ những vũ khí rất thô sơ! Bức tượng đài hoành tráng ấy càng lẫm liệt.

Xót xa thay! Họ đã ngã xuống! Sự hi sinh anh dũng của họ đã làm đau xót cả đất trời Nam Bộ:

Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng;

Nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Đất trời mờ mịt! Người người khóc thương! Nỗi sầu thảm này biết mấy xót xa! Đằng sau cái chết của người anh hùng sẽ là:

Đau đớn bấy! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; não nùng thay! Vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ trước ngõ.

Có thể nói, Nguyễn Đình Chiểu đã hòa máu và nước mắt để viết nên những câu văn nào lòng như thế!

Mặc dù Nguyễn Đình Chiểu đã gạt lệ để ngợi ca tấm gương hi sinh oanh liệt của người chiến sĩ với tấm lòng son vằng vặc ánh trăng rằm, "sông đánh thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ linh, muôn kiếp nguyện được trả kia", nghĩa là những con người ấy chết mà vẫn sống! Nhưng lòng chúng ta vẫn không sao ngăn được ngậm ngùi xót thương đau đớn!

Bức tượng đài bi tráng mà Nguyễn Đình Chiểu đã dựng nên bằng ngòi của mình sẽ mãi mãi tồn tại cùng non sông đất Việt! Đây là bức tượng đài đầu tiên về người nông dân đánh giặc! Chúng ta đều biết, người Việt ta từ khi biết dùng cành cây chọc lỗ gieo hạt cũng là lúc biết vót nhọn ngọn tầm vông, chuốt nhọn mũi chông tre để chống lại mọi kẻ thù bốn chân và kẻ thù hai chân! Họ thực là chủ nhân của đất nước. Nhưng trong văn học chính thống trước thời Nguyễn Đình Chiểu, họ chưa một lần trở thành nhân vật trung tâm! Nay, Nguyễn Đình Chiểu đã trả lại địa vị chính đáng cho những người chân lấm tay bùn này. Nguyễn Đình Chiểu đã trở thành ngôi sao sáng trên bầu trời văn học nước ta cuối thế kỉ XIX có phần đóng góp xứng đáng của "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" ! "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" mãi mãi là "bài ca về những người anh hùng thất thế" (Phạm Văn Đồng).

Xin được thắp một nén tâm hương tưởng nhớ, hai lần tưởng nhớ, tưởng nhớ người anh hùng liệt sĩ, tưởng nhớ nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

CLICK NGAY vào nút **TÀI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu: Phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.

